

NGŨ VĂN 9 - TUẦN 5 (HK2)

Tiết 1+ 2 : Văn bản :

NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI

(Trích)

(Lê Minh Khuê)

I. Đọc – hiểu chú thích

1. **Tác giả** : Lê Minh Khuê là cây bút nữ chuyên về truyện ngắn.

2. **Tác phẩm**:

a. **Hoàn cảnh sáng tác**: Truyện "Những ngôi sao xa xôi" ở trong số những tác phẩm đầu tay của Lê Minh Khuê, viết năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc đang diễn ra các liệt.

b. **Tóm tắt văn bản**:

"Những ngôi sao xa xôi" kể về cuộc sống chiến đấu của ba cô thanh niên xung phong – tổ trinh sát mặt đường – Phương Định, Nho và chị Thao. Họ sống trong một cái hang, trên cao điểm tại một vùng trọng điểm ở tuyến đường Trường Sơn những năm chống Mỹ. Công việc của họ là quan sát máy bay địch ném bom, đo khối lượng đất đá để san lấp hố bom do địch gây ra, đánh dấu những quả bom chưa nổ và phá bom. Công việc nguy hiểm, luôn phải đối mặt với cái chết, nhưng cuộc sống của họ vẫn không mất đi niềm vui hồn nhiên của tuổi trẻ, những giây phút thanh thoi, thơ mộng. Họ rất gắn bó, yêu thương nhau dù mỗi người một cá tính. Trong một lần phá bom, Nho bị thương, hai người đồng đội hết lòng lo lắng và chăm sóc cho Nho. Một cơn mưa đá vụt đến và vụt đi đã gọi trong lòng Phương Định bao hoài niệm, khát khao.

c. **Đề tài**: Ca ngợi cuộc sống, chiến đấu của thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.

d. **Ngôi kể**: Truyện kể theo ngôi thứ nhất.

- Tác dụng:

+ Tạo một điểm nhìn phù hợp để tái hiện hiện thực khốc liệt của chiến tranh.

+ Khắc họa thế giới tâm hồn, cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật một cách chân thực giàu sức thuyết phục.

+ Làm hiện lên vẻ đẹp của con người trong chiến tranh.

II. Đọc – hiểu văn bản:

1. Hoàn cảnh sống và chiến đấu:

- ... ở trong một cái hang dưới chân cao điểm... đường bị đánh lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn. Hai bên đường không có lá xanh. Chỉ có những thân cây bị tước khô cháy
- ... chạy trên cao điểm giữa ban ngày... đo và ước tính khối lượng đất đá lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom.

➔ **Nhiệm vụ quan trọng nhưng cũng đầy gian khổ, hi sinh, phải mạo hiểm với cái chết, luôn căng thẳng thần kinh, đòi hỏi sự dũng cảm và bình tĩnh hết sức.**

2. Vẻ đẹp phẩm chất.

a. Điểm chung

Họ là những cô gái còn rất trẻ đến từ Hà Nội – là thanh niên xung phong.

+ Tinh thần trách nhiệm cao với nhiệm vụ.

+ Dũng cảm.

+ Tinh đồng đội gắn bó.

b. Điểm riêng

Chị Thao

*** Hình dáng, sở thích:**

- Thích hát, chăm chép bài hát...
- Tia đôi lông mày nhỏ, áo lót thêu chỉ màu...
- Sợ máu và vắt. Ghét nước mắt...

*** Công việc:**

- Khi sắp có bom: móc bánh quy thông thả nhai...bình tĩnh đến phát bực...
- Trong công việc: cương quyết, táo bạo

*** Mối quan hệ với đồng đội**

- Khi Nho bị thương: ghen ngào, luân quần bên ngoài, sửa cổ áo và tóc Nho...

Nho

*** Hình dáng, sở thích:**

- Cổ tròn, những chiếc cúc áo nhỏ nhắn...
- Nhẹ, mát như que kem trắng...
- Cứ quần áo ướt đòi ăn kẹo...
- Thích thêu thùa.

*** Công việc:**

- Có lệnh: cuộn tròn cái gối, chụp mũ sắt đội lên đầu.
- Bị thương máu tứa ra...

Phương Định:

*** Hình dáng, sở thích**

- Cô gái khá, hai bím tóc dày, cổ cao kiêu hãnh...
- Thích hát, thích đón mưa đá, thích ngắm mắt mình trong gương...
- Hay ngồi bó gối mơ màng, nhớ những kỉ niệm thiếu nữ...

➔ **Nhạy cảm, mơ mộng, hồn nhiên, yêu đời**

*** Công việc**

- Đến gần quả bom...tôi không sợ...không đi khom...đang hoàng bước.

- Tim đập bất chấp nhịp điệu...nghĩ tới cái chết nhưng mờ nhạt...Lo mình không nổ, bom không nổ...

→ **Trách nhiệm, dũng cảm, tự trọng**

* **Mối quan hệ với đồng đội**

- Suy nghĩ: người đẹp nhất, cao thượng nhất là những người mặc quân phục...
- Lo lắng, sốt ruột khi đồng đội phá bom chưa về...
- Chăm sóc khi Nho bị thương: tiêm, pha sữa...

→ **Thương yêu đồng đội**

III. Ghi nhớ : SGK/122

Tiết 3 + 4 + 5 : Tập làm văn :

NGHỊ LUẬN VỀ TÁC PHẨM TRUYỆN (HOẶC ĐOẠN TRÍCH)

I- TÌM HIỂU BÀI

1. Tìm hiểu bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)

Xét văn bản SGK trang 61,62,63

- Vấn đề nghị luận: Những phẩm chất, đức tính tốt đẹp của nhân vật anh thanh niên
- Xác định hệ thống luận điểm.
 - + Luận điểm 1: Anh thanh niên đẹp ở tấm lòng yêu đời, yêu nghề, ở tinh thần trách nhiệm cao với công việc.
 - + Luận điểm 2: Là người đáng yêu qua nỗi thèm người, lòng hiếu khách. Câu văn:” Nhưng anh thanh... cách chu đáo”.
 - + Luận điểm 3: Là người khiêm tốn.
- Tác giả trình bày rõ ràng, ngắn gọn. Cả 3 luận điểm đều tập trung vào vấn đề cần nghị luận
- Từng luận điểm được phân tích chứng minh một cách thuyết phục bằng các lí lẽ dẫn chứng trong tác phẩm.
- Các luận điểm đều sử dụng hệ thống luận cứ, luận chứng một cách xác đáng, sinh động.
- Có 3 phần:
 - + Mở bài: Nêu vấn đề nghị luận
 - + Thân bài: Phân tích diễn giải từng luận điểm.
 - + Kết bài: Khẳng định nâng cao vấn đề nghị luận.

2. Cách làm bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)

Các bước làm bài :

Bước 1. Tìm hiểu đề, tìm ý

Bước 2. Lập dàn ý

A. Mở bài: Giới thiệu tác phẩm, nhân vật

B. Thân bài:

- Nêu các luận điểm chính về nội dung nghệ thuật
- Có luận cứ tiêu biểu xác thực để phân tích chứng minh

C. Kết bài: Nêu nhận định đánh giá

Bước 3. Viết bài.

Bước 4. Đọc bài, sửa chữa.

II. LUYỆN TẬP

Cảm nhận về nhân vật Phương Định trong *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê

(HS tham khảo dàn ý chi tiết trong đề cương)

TOÁN 9

CHƯƠNG 4 – HÀM SỐ BẬC HAI VÀ PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI

CHỦ ĐỀ 1: HÀM SỐ BẬC HAI

TÓM TẮT LÝ THUYẾT:

1/ HÀM SỐ BẬC HAI:

- Hàm số bậc hai có dạng: $y = ax^2$ ($a \neq 0$)

- Tính chất: Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) luôn xác định với mọi x thuộc $\mathbb{R}$.

Ví dụ 1: Cho hàm số: $y = 2x^2$. Điền số thích hợp vào bảng sau:

x	- 2	- 1	0	1	2
$y = 2x^2$					

+ Nếu $a > 0$ thì hàm số *đồng biến* khi $x > 0$ và *nghịch biến* khi $x < 0$.

Ví dụ 2: Cho hàm số: $y = \frac{-1}{4}x^2$. Điền số thích hợp vào bảng sau:

x	- 4	- 2	0	2	4
$y = \frac{-1}{4}x^2$					

+ Nếu $a < 0$ thì hàm số *đồng biến* khi $x < 0$ và *nghịch biến* khi $x > 0$.

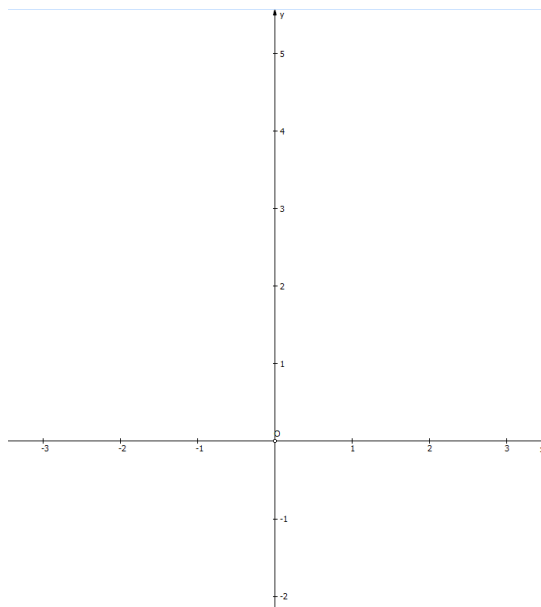
2/ ĐỒ THỊ HÀM SỐ BẬC HAI:

Ví dụ 3: Vẽ đồ thị hàm số: (P): $y = x^2$

- Bảng giá trị:

x					
$y = x^2$					

- Vẽ đồ thị:



Nhận xét: Nếu $a > 0$ thì đồ thị hàm số là một đường cong Parabol đi qua gốc tọa độ, nằm phía trên trục hoành, nhận trục Oy làm trục đối xứng, điểm cực tiểu $O(0;0)$.

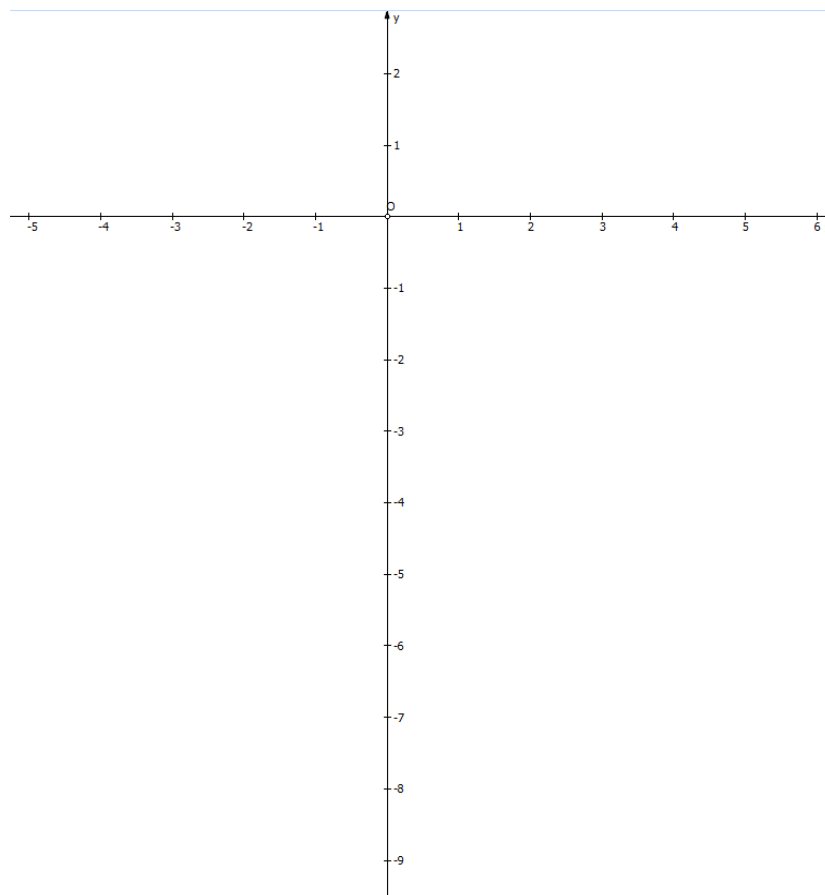
Ví dụ 4: Vẽ đồ thị hàm số: (P): $y = \frac{-x^2}{2}$ và (D): $y = \frac{1}{2}x - 1$

- Bảng giá trị:

x					
$y = \frac{-x^2}{2}$					

x		
$y = \frac{1}{2}x - 1$		

- Vẽ đồ thị:



Nhận xét: Nếu $a < 0$ thì đồ thị hàm số là một đường cong Parabol đi qua gốc tọa độ, nằm phía dưới trục hoành, nhận trục Oy làm trục đối xứng, điểm cực đại $O(0;0)$.

Giải:

[illegible]

a) Tìm tọa độ điểm A thuộc đồ thị (P), biết A có hoành độ là -3.

[illegible][illegible][illegible]

BÀI TẬP ÁP DỤNG:

Bài 1: Vẽ đồ thị của các hàm số sau trên cùng hệ trục tọa độ:

a) (P): $y = x^2$ và (D): $y = -3x + 4$

b) (P): $y = -\frac{1}{2}x^2$ và (D): $y = -\frac{x}{2} + 3$

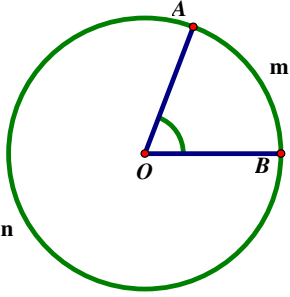
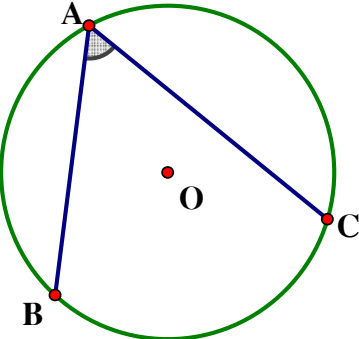
This image shows a full page of white paper with horizontal dotted lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page, providing a guide for handwriting practice. There are no margins, text, or other markings on the page.

TOÁN 9
CHƯƠNG 3 – GÓC VỚI ĐƯỜNG TRÒN
CHỦ ĐỀ 1: LIÊN HỆ GIỮA CUNG VÀ DÂY - 5 LOẠI GÓC VỚI ĐƯỜNG TRÒN

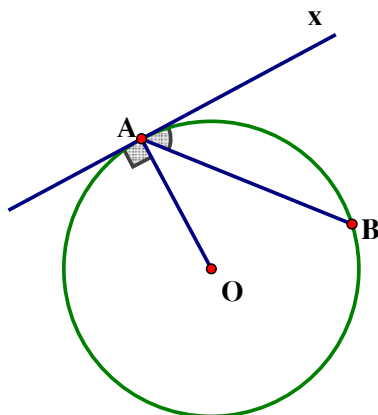
TÓM TẮT LÝ THUYẾT:

2/ NĂM LOẠI GÓC VỚI ĐƯỜNG TRÒN:

A. CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ ĐỊNH LÝ:

Các loại góc	Đặc điểm (Dấu hiệu nhận biết)	Liên hệ với số đo của cung bị chắn (Cách trình bày)
(1) Góc ở tâm:  Góc $\widehat{AOB}$ được gọi là góc ở tâm chắn cung $\widehat{AB}$ (cung $\widehat{AB}$ được gọi là cung bị chắn bởi góc AOB).	- Đỉnh của góc: của đường tròn. - Hai cạnh của góc: Chứa hai của đường tròn.	(Định nghĩa- SGK- Tr.67) Ta có: $\widehat{AOB} = \dots\dots\dots$ (Góc ở tâm chắn) $\Rightarrow$ số đo $\widehat{AnB} = \dots\dots\dots$
(2) Góc nội tiếp:  Góc $\widehat{BAC}$ là góc nội tiếp chắn $\widehat{BC}$.	- Đỉnh của góc: đường tròn. - Hai cạnh của góc: Chứa hai của đường tròn.	(Định lý- SGK- Tr.73) Ta có: $\widehat{BAC} = \dots\dots\dots$ (góc nội tiếp chắn)

(3) Góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây (dây cung):



Góc $\widehat{BAx}$ là góc tạo bởi tia tiếp tuyến Ax và dây (dây cung) AB, góc này chắn $\widehat{AB}$.

- Đỉnh của góc:
đường tròn.

- Hai cạnh của góc:
+ Cạnh thứ nhất là
tia của đường
tròn.
+ Cạnh thứ hai
chứa của đường
tròn.

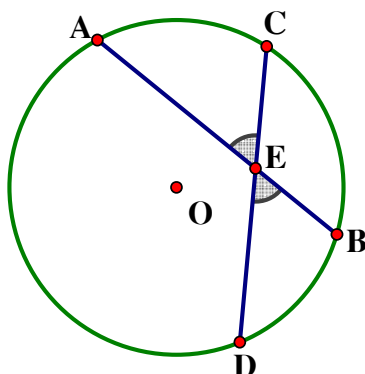
(Định lý - SGK - Tr.78)

Ta có:

$$\widehat{BAx} = \dots\dots\dots$$

(Góc tạo bởi tia tiếp tuyến và
dây cung chắn)

(4) Góc có đỉnh ở bên trong đường tròn:



Góc $\widehat{AEC}$ là góc có đỉnh ở
bên trong đường tròn, người
ta quy ước góc $\widehat{AEC}$ chắn 2
cung, đó là $\widehat{AC}$ và $\widehat{BD}$.

- Đỉnh của
góc:
với đường tròn.

- Hai cạnh của góc :.....
.....
.....

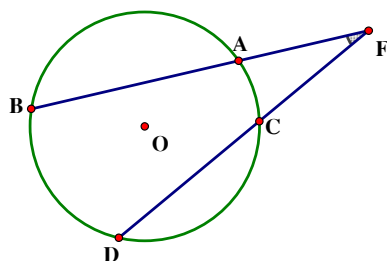
(Định lý: SGK – Tr. 81)

Ta có:

$$\widehat{AEC} = \frac{\dots\dots\dots + \dots\dots\dots}{\dots\dots\dots}$$

(Góc có đỉnh nằm ở bên trong
đường tròn
chắnvà)

(5) Góc có đỉnh nằm ở bên ngoài đường tròn:



Góc $\widehat{AFC}$ là góc có đỉnh nằm ở bên ngoài đường tròn, chắn $\widehat{AC}$ và $\widehat{BD}$.

- Đỉnh của góc:
với đường tròn.

- Hai cạnh của góc :.....
.....
.....

(Định lý: SGK – Tr. 81)

Ta có:

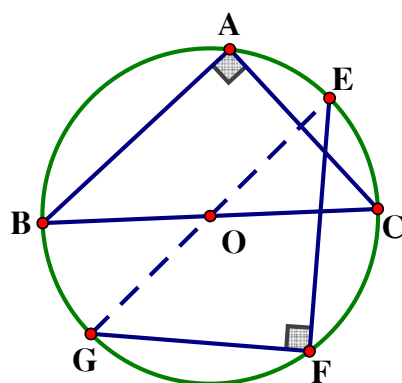
$$\widehat{AFC} = \frac{\dots - \dots}{\dots}$$

(Góc có đỉnh nằm ở bên ngoài đường tròn chắnvà)

B. MỘT SỐ KẾT QUẢ LIÊN HỆ CÁC LOẠI GÓC:

Kết quả 1: Góc nội tiếp chắn nửa đường tròn

(Hệ quả - SGK- Tr.74): Góc nội tiếp chắn nửa đường tròn là



Cách trình bày:

Ta có :

$$\widehat{BAC} = \dots \text{ (góc nội tiếp chắn nửa đường tròn (O))}$$

Quan trọng:

Xét (O) có :

$$\widehat{EFG} = 90^\circ \text{ và } \widehat{EFG} \text{ là góc nội tiếp chắn cung } \dots$$

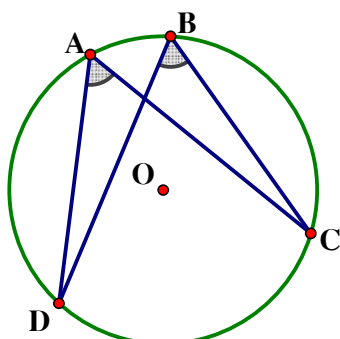
$$\Rightarrow \widehat{EG} \text{ là nửa đường tròn (O)}$$

$$\Rightarrow EG \text{ là đường kính (O)}$$

$$\Rightarrow E, O, G \dots$$

Kết quả 2: Các góc nội tiếp cùng chắn một cung

(Hệ quả - SGK-Tr.74): Trong cùng một đường tròn, các góc nội tiếp cùng chắn một cung thì



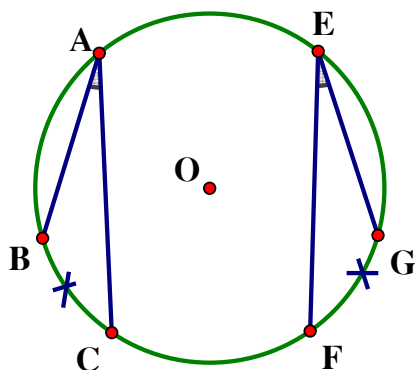
Cách trình bày:

Ta có :

$$\widehat{DAC} = \widehat{DBC} \text{ (các góc nội tiếp cùng chắn)}$$

Kết quả 3: Các góc nội tiếp chắn các cung.

(Hệ quả - SGK – Tr. 74) : Trong cùng một đường tròn, các góc nội tiếp cùng chắn các cung: nếu các góc nội tiếp bằng nhau thì; nếu các cung bằng nhau thì



Cách trình bày:

Ta có :

$$\widehat{BAC} = \widehat{FEG} \Rightarrow \widehat{BC} = \widehat{FG}$$

(các góc nội tiếp bằng nhau thì các cung bị chắn)

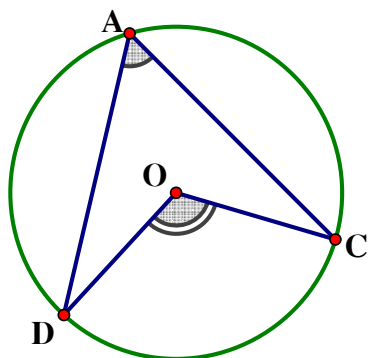
Ta có :

$$\widehat{BC} = \widehat{FG} \Rightarrow \widehat{BAC} = \widehat{FEG}$$

(các cung bị chắnthì các góc nội tiếp)

Kết quả 4: Quan hệ giữa góc nội tiếp và góc ở tâm

(Hệ quả - SGK- Tr.74): Trong cùng một đường tròn, góc nội tiếp bằnggóc ở tâm khi chúng cùng.....



Cách trình bày:

Ta có :

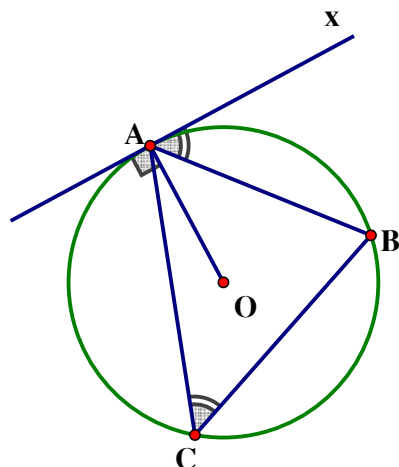
$$\widehat{DAC} = \frac{1}{2} \widehat{DOC}$$

$$\text{Hoặc: } \widehat{DOC} = 2 \widehat{DAC}$$

(góc nội tiếp và góc ở tâm cùng chắn)

Kết quả 5: Quan hệ giữa góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung và góc nội tiếp

(Hệ quả - SGK- Tr. 79): Trong cùng một đường tròn, góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây góc nội tiếp khi cùng chắn 1 cung.



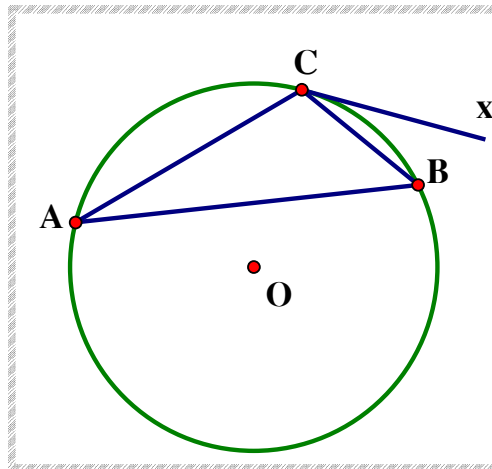
Cách trình bày:

Ta có :

$$\widehat{BAC} = \widehat{XAC}$$

(góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây với góc nội tiếp cùng chắn)

Kết quả 6: Định lý đảo về góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung



Cách trình bày:

Ta có :

$$\widehat{BCx} = \widehat{BAC} \text{ (gt)}$$

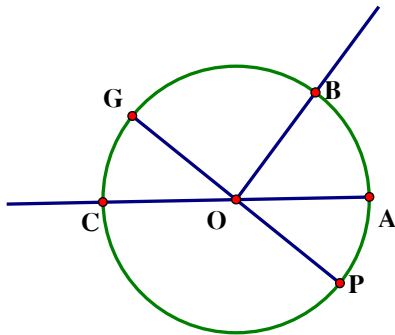
mà hai góc này thuộc hai nửa mặt phẳng đối nhau có bờ chứa cạnh BC

$\Rightarrow Cx$ là tiếp tuyến của đường tròn ngoại tiếp tam giác ABC.

BÀI TẬP ỨNG DỤNG:

BÀI TẬP 1: điền nội dung thích hợp vào chỗ trống:

a) Góc ở tâm:



Ta có: $\widehat{AOB} = sđ \widehat{\dots}$ (góc chắn)

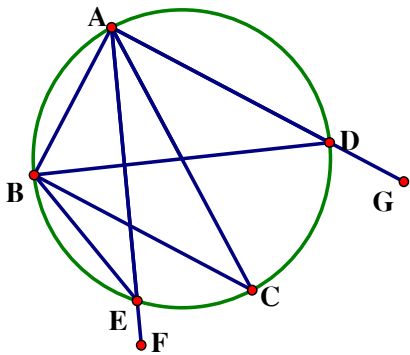
Ta có: $\widehat{BOC} = \dots$ (góc chắn)

Ta có: $\widehat{\dots} = sđ \widehat{GB}$ (góc chắn)

Ta có: $\widehat{\dots} = sđ \widehat{GC}$ (góc chắn)

Ta có: $\widehat{\dots} = sđ \widehat{PA}$ (góc chắn)

b) Góc nội tiếp:



Ta có: $\widehat{BAE} = \frac{1}{2} sđ \widehat{\dots}$ (góc chắn)

Ta có: $\widehat{FAC} = \dots$ (góc chắn)

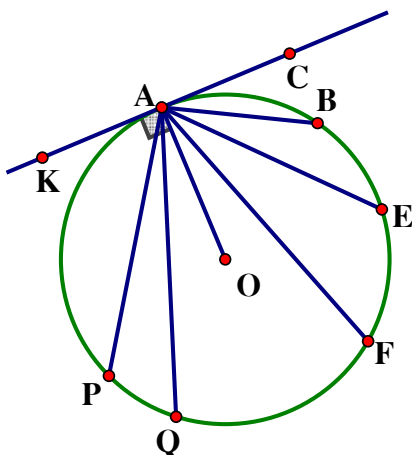
Ta có: $\widehat{CAG} = \dots$ (góc chắn)

Ta có: $\widehat{\dots} = \frac{1}{2} sđ \widehat{AB}$ (góc chắn)

Ta có: $\widehat{\dots} = \frac{1}{2} sđ \widehat{AB}$ (góc chắn)

Ta có: $\widehat{\dots} = \frac{1}{2} sđ \widehat{AB}$ (góc chắn)

c) Góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây (dây cung):



Ta có: $\widehat{CAB} = \frac{1}{2} sđ \widehat{\dots}$

(góc tạo bởi tia tiếp tuyến AC và dây AB chắn)

Ta có: $\widehat{CAE} = \dots$

(góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây chắn)

Ta có: $\widehat{FAC} = \dots$

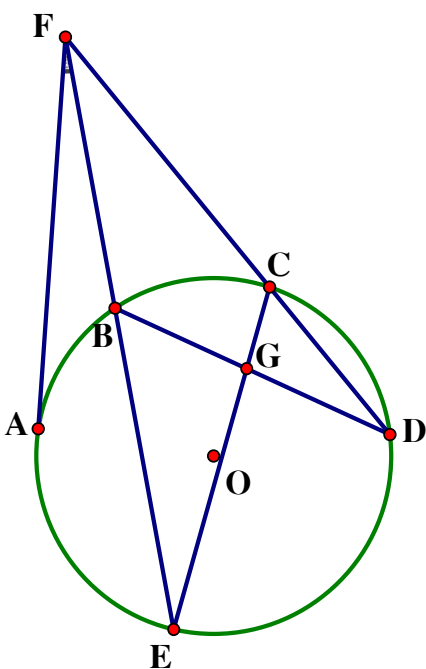
(góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây chắn)

Ta có: $\widehat{\text{.....}} = \frac{1}{2} \text{sđ } \widehat{AP}$

(góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây chắn)

Ta có: $\widehat{\text{.....}} = \frac{1}{2} \text{sđ } \widehat{AQ}$ (góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây chắn)

d) Góc có đỉnh ở bên trong, ở bên ngoài đường tròn:



Ta có: $\widehat{AFE} = \frac{\text{sđ } \widehat{\text{.....}} - \text{sđ } \widehat{\text{.....}}}{\text{.....}}$ (góc có đỉnh nằm bên ngoài đường tròn chắn và)

Ta có: $\widehat{EFD} = \text{.....}$

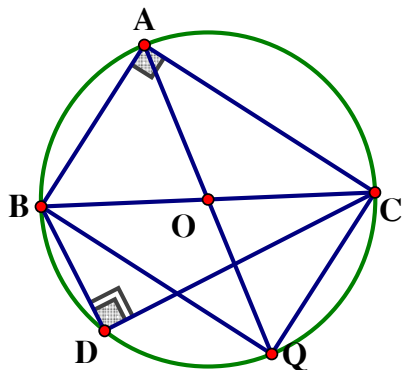
(góc có đỉnh nằm bên ngoài đường tròn chắn và)

Ta có: $\widehat{BGC} = \frac{\text{sđ } \widehat{\text{.....}} + \text{sđ } \widehat{\text{.....}}}{\text{.....}}$ (góc có đỉnh nằm bên trong đường tròn chắn và)

Ta có: $\widehat{BGE} = \text{.....}$

(góc có đỉnh nằm bên trong đường tròn chắn và)

e) Các góc nội tiếp chắn nửa đường tròn:



Ta có: $\widehat{BAC} = \text{.....}^{\circ}$ (góc nội tiếp chắn nửa (O))

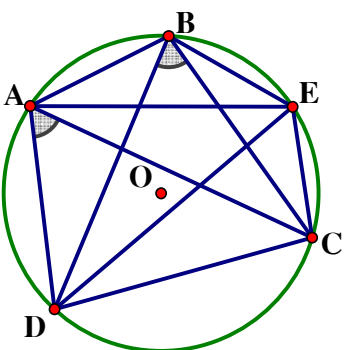
Ta có: $\text{.....} = \text{.....}^{\circ}$ (góc nội tiếp chắn nửa (O))

Ta có: $\text{.....} = \text{.....}^{\circ}$ (góc nội tiếp chắn nửa (O))

Ta có: $\text{.....} = \text{.....}^{\circ}$ (góc nội tiếp chắn nửa (O))

Ta có: $\text{.....} = \text{.....}^{\circ}$ (góc nội tiếp chắn nửa (O))

f) Các góc nội tiếp cùng chắn 1 cung:



Ta có: $\widehat{DAC} = \widehat{DBC} = \widehat{DEC}$ (các góc nội tiếp cùng chắn)

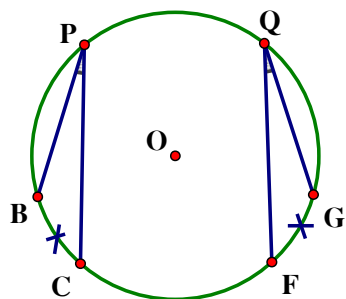
Ta có: $\widehat{\text{.....}} = \widehat{\text{.....}} = \widehat{\text{.....}}$ (các góc nội tiếp cùng chắn $\widehat{EC}$)

Ta có: $\widehat{\text{.....}} = \widehat{\text{.....}} = \widehat{\text{.....}}$ (các góc nội tiếp cùng chắn $\widehat{EB}$)

Ta có: $\widehat{\dots\dots\dots} = \widehat{\dots\dots\dots} = \widehat{\dots\dots\dots}$ (các góc nội tiếp cùng chắn $\widehat{AB}$)

Ta có: $\widehat{\dots\dots\dots} = \widehat{\dots\dots\dots} = \widehat{\dots\dots\dots}$ (các góc nội tiếp cùng chắn $\widehat{AD}$)

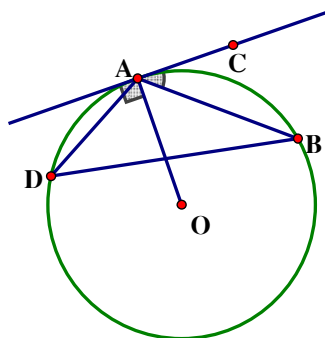
g) Các góc nội tiếp chắn nhiều cung:



Ta có: $\widehat{BPC} = \widehat{GQF} \Rightarrow \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$
($\dots\dots\dots$)

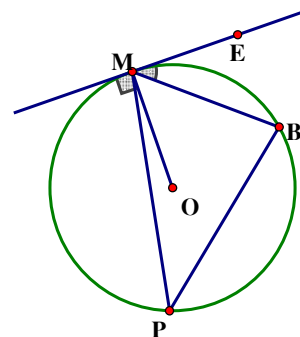
Ta có: $\widehat{BC} = \widehat{FG} \Rightarrow \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$
($\dots\dots\dots$)

h) Liên hệ giữa góc nội tiếp và góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây (dây cung):

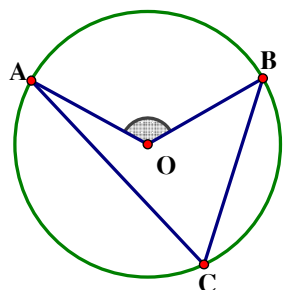


Ta có: $\widehat{\dots\dots\dots} = \widehat{\dots\dots\dots}$ (góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây với góc nội tiếp cùng chắn $\dots\dots\dots$)

Ta có: $\widehat{\dots\dots\dots} = \widehat{\dots\dots\dots}$ (góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây với góc nội tiếp cùng chắn $\dots\dots\dots$)

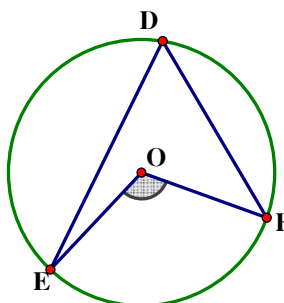


k) Liên hệ giữa góc nội tiếp và góc ở tâm:



Ta có: $\widehat{\dots\dots\dots} = 2 \widehat{\dots\dots\dots}$ (góc ở tâm và góc nội tiếp cùng chắn $\dots\dots\dots$)

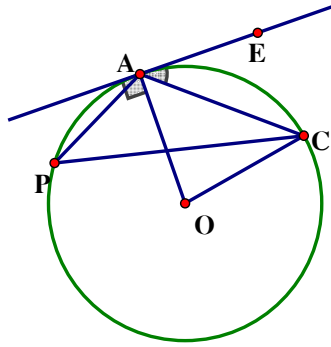
(Hoặc : Ta có: $\widehat{\dots\dots\dots} = \frac{1}{2} \widehat{\dots\dots\dots}$ (góc ở tâm và góc nội tiếp cùng chắn $\dots\dots\dots$)



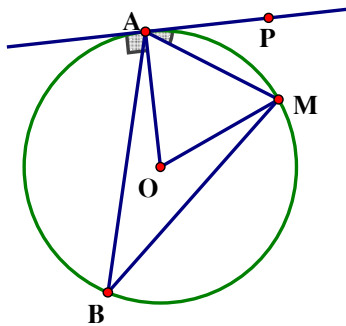
Ta có: $\widehat{\dots\dots\dots} = 2 \widehat{\dots\dots\dots}$ (góc ở tâm và góc nội tiếp cùng chắn $\dots\dots\dots$)

(Hoặc : Ta có: $\widehat{\dots\dots\dots} = \frac{1}{2} \widehat{\dots\dots\dots}$ (góc ở tâm và góc nội tiếp cùng chắn $\dots\dots\dots$)

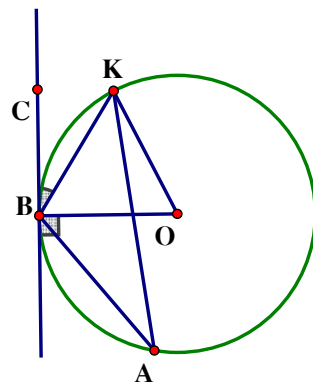
l) Mối quan hệ giữa bộ ba góc: GÓC NỘI TIẾP VỚI GÓC Ở TÂM VỚI GÓC TẠO BỞI TIA TIẾP TUYẾN VÀ DÂY:



Ta có: $\widehat{CAE} = \dots\dots\dots = \frac{1}{2} \widehat{\dots\dots\dots}$ (góc $\dots\dots\dots$ và góc $\dots\dots\dots$ và góc $\dots\dots\dots$ cùng chắn $\dots\dots\dots$.)



Ta có: $\widehat{ABM} = \dots\dots\dots = \frac{1}{2} \widehat{\dots\dots\dots}$ (góc $\dots\dots\dots$ và góc $\dots\dots\dots$ và góc $\dots\dots\dots$ cùng chắn $\dots\dots\dots$.)



Ta có:
 $\widehat{CBK} = \dots\dots\dots = \frac{1}{2} \widehat{\dots\dots\dots}$ (góc $\dots\dots\dots$ và góc $\dots\dots\dots$ và góc $\dots\dots\dots$ cùng chắn $\dots\dots\dots$.)

TIẾNG ANH 9

TUẦN 5- HK 2 UNIT 7: SAVING ENERGY

I. VOCABULARY

READ :

31. western (adj): thuộc về phương tây

→ Western countries : các nước phương tây

32. luxury (n): đồ xa xỉ (đồ đắt tiền nhưng lại ít cần thiết)

→ luxuries (danh từ số nhiều)

→ luxurious (adj) : xa xỉ

33. necessity (n): sự cần thiết

→ necessary (adj): cần thiết

→ to need (v): cần

34. consumer (n): người tiêu dùng, người tiêu thụ

→ to consume (v): tiêu thụ, dùng

→ consumption (n): sự tiêu thụ

35. product (n): sản phẩm → producer (n): nhà sản xuất

36. household (n): hộ gia đình.

37. appliance (n): dụng cụ, thiết bị

38. to account FOR : chiếm khoảng

39. percent (n) : phần trăm

40. to replace (v): thay thế

41. lighting (n): việc thắp sáng

42. ordinary (adj): thông thường

43. bulb (n): bóng đèn tròn

44. energy-saving (adj): tiết kiệm năng lượng

→ energy-saving bulb : bóng đèn tiết kiệm năng lượng

45. standard (adj): tiêu chuẩn

46. electric (adj) : cho dòng điện chạy qua, sử dụng điện, tạo ra hoặc được tạo ra bởi điện

→ electrical (adj): liên quan đến điện

→ electrical appliances : các thiết bị điện

→ electricity (n): điện

→ electrician (n): thợ sửa điện

47. to label (v): dán nhãn

→ label (n): nhãn, nhãn hiệu

48. scheme (n): kế hoạch, âm mưu = plan (n)

→ to scheme (v): lập kế hoạch, lên kế hoạch

→ a labeling scheme : kế hoạch dán nhãn

49. freezer (n): máy ướp lạnh

50. tumble dryer (n): máy sấy

51. **to compare sth WITH sth** : so cái gì với cái gì

→ comparison (n): sự so sánh

52. category (n): loại, hạng

53. ultimately (adv): cuối cùng, rốt cuộc

54. innovate (v): đổi mới, cải tiến, cách tân

→ innovation (n): sự đổi mới, sự cải tiến, sự cách tân

55. purpose (n): mục đích = aim (n)

56. to conserve (v): bảo vệ

57. as well as : cũng như là

57. to conserve (v): bảo tồn, giữ gìn

WRITE

57. speech (n): bài phát biểu, bài diễn văn, lời nói

→ to make a speech (n): đọc bài diễn văn / phát biểu

58. function (n): chức năng

59. to sum up (v): tóm tắt, tổng kết

60. **to get one's attention** : thu hút sự chú ý của ai

61. easy-to-understand (adj): dễ hiểu

62. to follow (v): làm theo, tuân theo, đi theo

63. rule (n): nguyên tắc, quy tắc, luật lệ

64. not only...but also... : không những mà còn...

65. a mechanic (n): thợ cơ khí, thợ sửa máy

66. public transport (n): phương tiện vận chuyển công cộng

67. gentleman (n): quý ông # lady (n): quý bà, quý cô → gentlemen (n): các quý ông

68. solid (adj): rắn, ở thể rắn

69. separate (adj): riêng, riêng biệt, khác nhau

→ to separate (v): tách ra, chia ra

70. single printed page : giấy được in 1 mặt

71. to draft (v): viết nháp, viết / vẽ phác thảo

→ draft (n): bản nháp, bản phác thảo

LANGUAGE FOCUS

72. However : tuy nhiên

73. Therefore : vì vậy

74. phrasal verbs : cụm động từ

75. connectives : từ nối

76. to make suggestions : đưa ra lời đề nghị

77. to turn on : bật lên # to turn off : tắt đi

78. to turn up : vặn to lên (tiếng) # to turn down : hạ nhỏ lại (tiếng)

79. to look for : tìm kiếm = to find

80. to look after : chăm sóc = to take care of
81. to go on (v): tiếp tục = to keep on, to continue
82. shortage (n) : sự thiếu hụt, sự khan hiếm
83. weather forecast (n): bảng dự báo thời tiết
84. a decade (n): thập kỉ (10 năm)
85. war invalids : thương binh

II. GRAMMAR

A. Adjectives (tính từ):

- Tính từ đứng trước một danh từ và sau một số động từ như: to be, seem, keep, look, feel, taste, sound, smell, get, become ...

- Tính từ bổ nghĩa danh từ và đại từ.

Ex: It is a white shirt. (white là tính từ đứng trước danh từ shirt và bổ nghĩa cho danh từ shirt)

Ex: - She is intelligent.

- He looks happy.

* Một số tính từ tận cùng là "ly":

friendly: thân thiện, lovely: dễ thương, likely: chắc chắn, lonely: cô đơn, lively: sống động,

silly: ngốc, ngớ ngẩn, ugly: xấu xí.

B. Thành phần theo sau tính từ:

1. **Adjective + to + Vo** (Tính từ được theo sau bởi động từ nguyên mẫu có to):

Form: S + be chia + adj + to + Vo

Ví dụ: It is interesting to learn English.
S be adj to + Vo

2. **Adjective + that-clause:**

Form: S + be chia + Adjective + That – clause (that + S + V)

Trong đó “that-clause” bổ sung nghĩa cho adjective; mang nghĩa “rằng, là, mà”.

Ex: I am pleased that you are working hard.
adj that-clause

Mệnh đề that (that- clause) thường đứng sau tính từ diễn tả cảm xúc, sự chắc chắn: sad, pleased, excited, disappointed, delighted, glad, afraid, sorry, thankful, certain, sure, ...

CÂU ĐỀ NGHỊ, CÂU MỜI

1. S + suggest + (that) + S2 + (should)+ Vo (chỉ S2 làm)

Ex 1: -She suggests that he should work harder for his next exam.

-She suggests that he work harder for his next exam.

Ex 2: They suggest that we should put the garbage bins around the school yard.

2. S + suggest + (that) + S2 + (should)+ be V3/ved

→ They suggest that the garbage bins should be put around the school yard.

Ex: He suggests that these women should use energy-saving bulbs instead of standard bulbs.

→He suggests that energy-saving bulbs should be used instead of standard bulbs.

3. S + suggest + Ving (S1 và S2 cùng làm)

Ex :We suggest cleaning up the beach.

4. Why don't we + Vo (S1 và S2 cùng làm)

→Why don't we clean up the beach?

5. Why don't you + Vo (chỉ S2 làm)

6. Let's + Vo (S1 và S2 cùng làm) *let's = let us

→Let's clean up the beach

7. What about + Ving (S1 và S2 cùng làm)

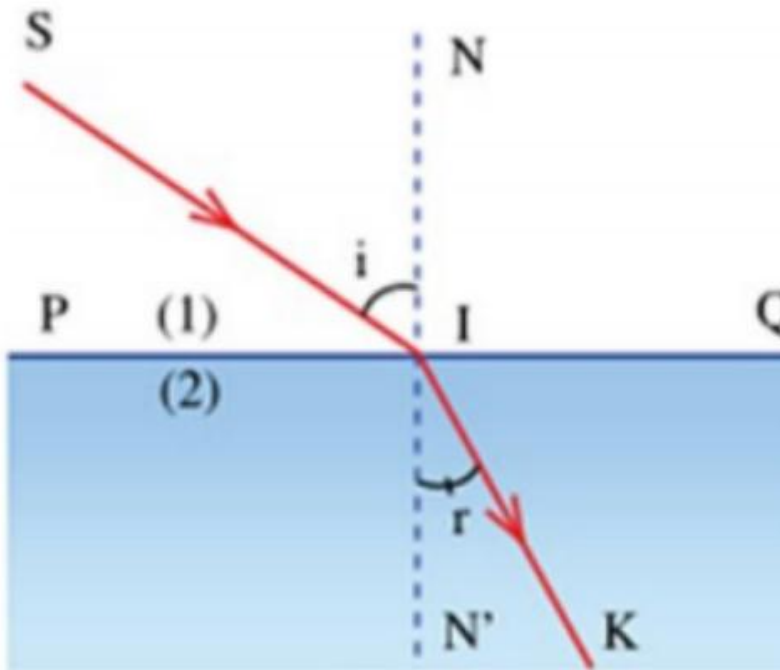
8. How about + Ving (S1 và S2 cùng làm)

CHƯƠNG III: QUANG HỌC

CHỦ ĐỀ: HIỆN TƯỢNG KHÚC XẠ ÁNH SÁNG – QUAN HỆ GIỮA GÓC TỚI VÀ GÓC KHÚC XẠ

I. Hiện tượng khúc xạ ánh sáng

Hiện tượng tia sáng truyền từ môi trường trong suốt này sang môi trường trong suốt khác bị gãy khúc tại mặt phân cách giữa hai môi trường được gọi là hiện tượng khúc xạ ánh sáng.



- SI là tia tới.

- IK là tia khúc xạ.

- I là điểm tới.

- NN' vuông góc với mặt phân cách là pháp tuyến tại điểm tới.

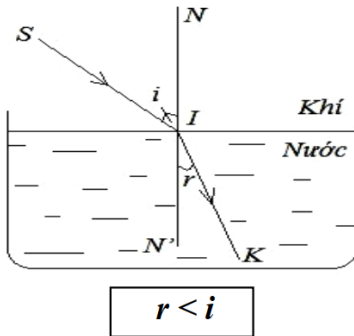
- Góc SIN là góc tới, kí hiệu là i .

- Góc KIN' là góc khúc xạ, kí hiệu là r .

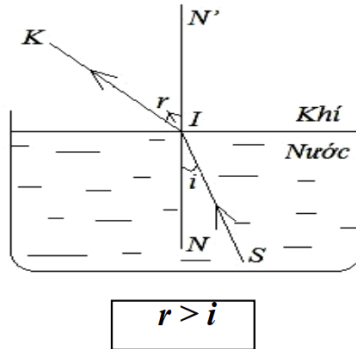
- Mặt phẳng chứa tia tới SI và pháp tuyến NN' là mặt phẳng tới.

II. Mối quan hệ giữa góc tới và góc khúc xạ

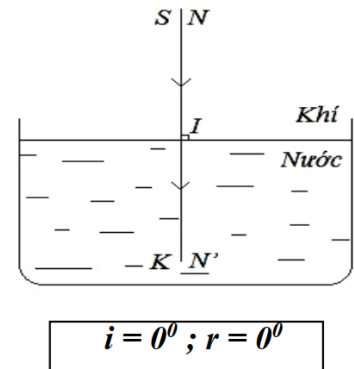
*Tia sáng truyền
từ không khí sang nước*



*Tia sáng truyền
từ nước sang không khí*

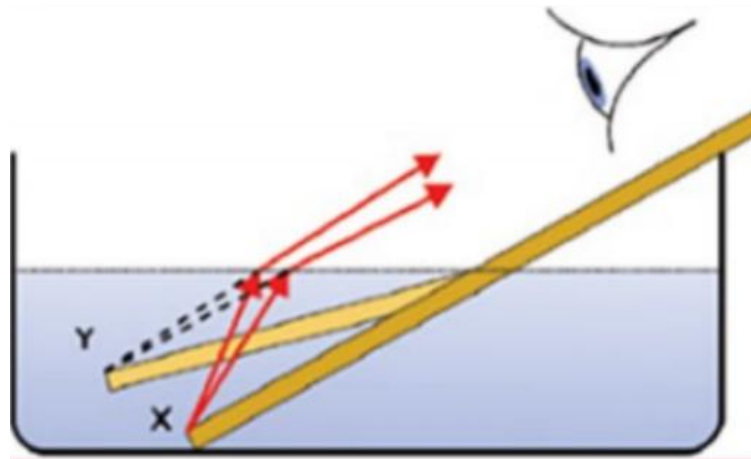


*Tia sáng truyền vuông góc với
mặt phân cách của 2 môi trường*



III. Liên hệ thực tế

Vị trí thật của những vật ở trong nước sâu hơn vị trí mà mắt ta nhìn thấy



HÓA 9-TUẦN 5

ETHYLENE

Công thức phân tử: _____

Phân tử khối: _____

I- TÍNH CHẤT VẬT LÝ:

.....

II- CẤU TẠO PHÂN TỬ:

Công thức cấu tạo :

.....

.....

Trong ptử Ethylene có

.....

.....

III- TÍNH CHẤT HOÁ HỌC:

1/ Phản ứng cháy:



2/ Phản ứng cộng với dung dịch bromine:

* Thí nghiệm :

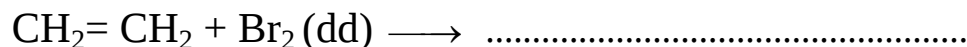
+ Hiện tượng:

+ PTHH:

.....

.....

Viết gọn:



.....

* Các chất có liên kết đôi (tương tự Ethylene) dễ tham gia pư cộng (với Brommine. Hydrogen)



3/ Phản ứng trùng hợp



.....

IV- ỨNG DỤNG:

NỘI DUNG BÀI HỌC SINH 9 TUẦN 5/HKII

BÀI 44: ẢNH HƯỞNG LẤN NHAU GIỮA CÁC SINH VẬT

I. Quan hệ cùng loài

- Các sinh vật cùng loài sống gần nhau, liên hệ với nhau, hình thành nên nhóm cá thể.
- Trong một nhóm cá thể, chúng có mối quan hệ hỗ trợ hoặc cạnh tranh nhau.
- + Chúng hỗ trợ nhau trong việc trồng lại kẻ thù, di cư, tìm kiếm thức ăn, chống chọi với môi trường...

+ Tuy nhiên, khi gặp điều kiện bất lợi (thiếu thức ăn, nơi ở, số lượng cá thể tăng quá cao...) các cá thể trong nhóm sẽ cạnh tranh lẫn nhau.

Khi đó dẫn tới hiện tượng các cá thể tách ra khỏi nhóm làm giảm nhẹ cạnh tranh giữa các cá thể, hạn chế sự cạn kiệt nguồn thức ăn trong vùng.

II. Quan hệ khác loài

- Các sinh vật khác loài có mối quan hệ hỗ trợ hoặc đối địch nhau.
- Bảng 44 SGK.

BÀI 45: TÌM HIỂU MÔI TRƯỜNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA MỘT SỐ NHÂN TỐ SINH THÁI LÊN ĐỜI SỐNG SINH VẬT

1. Kiến thức lí thuyết:

- Có mấy loại môi trường sống của sinh vật? Đó là những môi trường nào?

Trả lời:

Có 4 loại môi trường sống của sinh vật: môi trường nước, môi trường đất, môi trường trên mặt đất – không khí (môi trường trên cạn) và môi trường sinh vật.

- Hãy kể tên những nhân tố sinh thái ảnh hưởng tới đời sống sinh vật?

Trả lời:

Có hai nhóm nhân tố sinh thái ảnh hưởng tới đời sống sinh vật là:

- Nhân tố sinh thái vô sinh (không sống).
- Nhân tố sinh thái hữu sinh (sống): gồm nhân tố sinh thái con người và nhân tố sinh thái các sinh vật khác.

TUẦN 5 TỪ NGÀY 28/2 – 5/3/2022

**BÀI 22. CAO TRÀO CÁCH MẠNG TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA
THÁNG TÁM NĂM 1945 (2 tiết)**

I. Mặt trận Việt Minh ra đời (19/5/1941)

1. Hoàn cảnh ra đời của mặt trận Việt Minh

- Ở Đông Dương, Pháp ra sức đàn áp cách mạng.
- Ngày 28/1/1941, Nguyễn Ái Quốc về nước lãnh đạo cách mạng.
- Hội nghị chủ trương phải giải phóng dân tộc lên hàng đầu, thực hiện khẩu hiệu “Tịch thu ruộng của đế quốc và Việt gian chia cho dân nghèo...”, thành lập Mặt trận Việt Minh.

2. Hoạt động của mặt trận Việt Minh

- Xây dựng lực lượng vũ trang:
 - + Duy trì đội du kích Bắc Sơn, phát triển thành Cứu quốc quân, phát động chiến tranh du kích, thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân (22/12/1944)
 - + Phát động chiến tranh du kích, đẩy mạnh vũ trang tuyên truyền, kết hợp chính trị với quân sự.
- Xây dựng lực lượng chính trị: tranh thủ tập hợp mọi tầng lớp nhân dân.

II. Cao trào kháng Nhật cứu nước, tiến tới tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

1. Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945)

- Nguyên nhân:
 - + Chiến tranh thế giới thứ 2 sắp kết thúc, nước Pháp được giải phóng.
 - + Ở mặt trận Thái Bình Dương, phát xít Nhật bị nguy khốn.
- Quân Pháp ở Đông Dương muốn đánh Nhật.
- Diễn biến: đêm 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp trên toàn Đông Dương, Pháp nhanh chóng đầu hàng.

2. Tiến tới tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

Thời gian	Sự kiện
	Trung ương Đảng ra chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, xác định kẻ thù, cụ thể trước mắt là phát xít Nhật.
3/1945	Các cuộc đấu tranh vũ trang và những cuộc khởi nghĩa từng phần, đã giải phóng nhiều nơi.
4/1945	- Thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân. - Ủy ban quân sự Bắc Kỳ được thành lập.
6/1945	- Khu giải phóng Việt Bắc ra đời - Phong trào “phá kho thóc, giải quyết nạn đói”, không khí khởi nghĩa sôi sục trong cả nước.



ĐỊA LÍ 9 - TUẦN 5/HK2

VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

I. Vị trí địa lý và giới hạn lãnh thổ :

- Diện tích: 39.734 km²
- Nằm ở phía tây vùng Đông Nam Bộ.
- Tiếp giáp:
 - + Phía Bắc giáp Campuchia
 - + Phía Tây và Tây Nam giáp vịnh Thái Lan
 - + Phía Đông và Đông Nam giáp biển Đông
 - + Phía Đông Bắc giáp Đông Nam Bộ.
- Ý nghĩa : thuận lợi cho giao lưu trên đất liền và biển với các vùng và các nước.

II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên :

- Giàu tài nguyên để phát triển nông nghiệp: đồng bằng rộng, đất phù sa, khí hậu nóng ẩm, nguồn nước dồi dào, sinh vật phong phú đa dạng.
- Khó khăn: lũ lụt ; diện tích đất mặn, đất phèn lớn ; thiếu nước ngọt trong mùa khô

III. Đặc điểm dân cư, xã hội

- Đặc điểm: đông dân; ngoài người Kinh, còn có người Khơ-me, người Chăm, người Hoa.
- Thuận lợi: nguồn lao động dồi dào, có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp hàng hóa; thị trường tiêu thụ lớn.
- Khó khăn: mật độ dân trí chưa cao.

BÀI 14: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ LAO ĐỘNG CỦA CÔNG DÂN

(tiết 1)

I. Đặt vấn đề

- Lao động là một nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi công dân đối với Tổ quốc. Ai cũng phải tùy khả năng mình mà tự nguyện tự giác tham gia lao động, góp phần xây dựng nhà nước.

II. Nội dung bài học

1. Khái niệm

- Hoạt động có mục đích của con người nhằm tạo ra của cải, vật chất và các giá trị tinh thần cho xã hội gọi là lao động.

2. Vai trò

- Là hoạt động chủ yếu, quan trọng nhất của con người
- Là nhân tố quyết định sự tồn tại, phát triển của xã hội.

III. Bài tập

Câu 1: Hãy cho biết ý kiến của em về hai quan niệm dưới đây và giải thích vì sao:

- Lao động là hoạt động sử dụng sức lao động để tạo ra thu nhập.
- Chỉ những hoạt động tạo ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần cho xã hội mới là lao động.

Câu 2: Để trở thành người lao động tốt, công dân có ích cho xã hội, ngay từ giờ em cần phải làm gì?

IV. Dặn dò

- Học bài

Bài 10: (tt)

THỰC HÀNH LẮP MẠCH ĐIỆN 1 CÔNG TẮC 3 CỰC ĐIỀU KHIỂN 2 ĐÈN

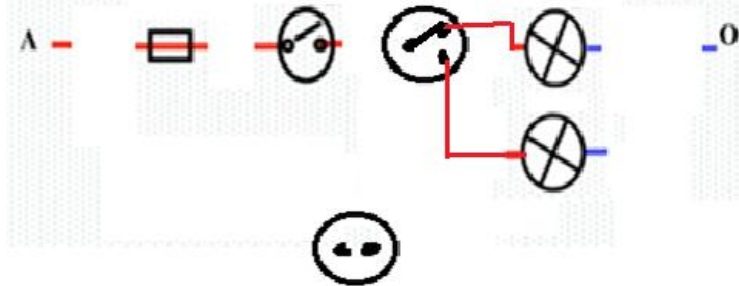
I. Dụng cụ, vật liệu và thiết bị:

- Dụng cụ:
- Vật liệu:
- Thiết bị:

II. Nội dung và trình tự thực hành:

1. Vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện.

a. Sơ đồ nguyên lý:

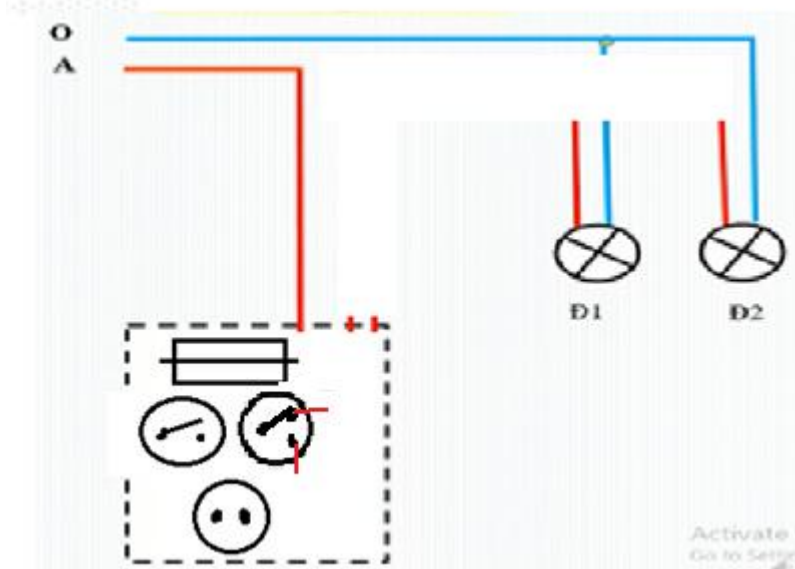


Nguyên lý làm việc:

- 1 cầu chì bảo vệ toàn mạch
- 1 công tắc 2 cực đóng ngắt mạch điện
- 1 công tắc 3 cực điều khiển 2 đèn tắt sáng luân phiên
- 1 ổ cắm luôn có điện

b. Vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện.

- Vẽ đường dây nguồn
- Xác định vị trí đề bảng điện, bóng đèn.
- Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện
- Vẽ đường dây dẫn điện theo sơ đồ nguyên lý.



2. Lập bảng dự trù vật liệu, thiết bị và lựa chọn dụng cụ:

3. Lắp đặt mạch điện bảng điện. Các em hoàn thiện quy trình lắp mạch điện bảng điện sau:



* Bước1: Vạch dấu.

-

-

* Bước2: Khoan lỗ

-

-

* Bước3: Lắp thiết bị của bảng điện

-

-

-

*Bước4: Nối dây mạch điện.

-

-

* Bước5: Kiểm tra.

-

-

Thang điểm chấm thực hành

- | | |
|----------------------------------|----|
| - Đúng sơ đồ mạch | 2đ |
| - Hoạt động đúng yêu cầu | 2đ |
| - An toàn lao động | 2đ |
| - Chuẩn bị và tổ chức thực hành. | 2đ |
| - Thái độ học tập | 2đ |

TRƯỜNG THCS TRẦN VĂN QUANG
TỔ: CÔNG NGHỆ - VTM

MÔN THỂ DỤC LỚP 9 TUẦN 5 – HK2
Chủ Đề: Thể Thao Tự Chọn – Bóng Rổ
Chạy Bền Thể Lực.

I. Mục tiêu

1. Về phẩm chất:

Bài học góp phần bồi dưỡng tinh thần trách nhiệm, cụ thể đã khơi dậy ở HS:

- Tự giác, tích cực trong hoạt động tập thể.
- Luôn cố gắng vươn lên để đạt kết quả tốt trong học tập.

2. Về năng lực:

Bài học góp phần hình thành, phát triển cho HS các năng lực sau đây:

2.1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: HS chủ động thực hiện việc sưu tầm tranh, ảnh, Video clip phục vụ bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS biết sử dụng thuật ngữ, kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin về các kỹ thuật, kỹ năng trong môn bóng rổ với kỹ thuật ném bóng tại chỗ một tay trên vai.

2.2. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết và thực hiện được các kỹ thuật tại chỗ ném bóng một tay trên vai
- Biết quan sát tranh ảnh.
- Vận dụng được trong các giờ học Thể dục và tự tập hàng ngày.

II. Bài Thực Hành.

1. Ôn Động tác bổ trợ đã học ở lớp 8

- Dẫn bóng di chuyển bằng tay trái và tay phải.
- Tại chỗ dẫn bóng tay trái, tay phải.

2. Ném bóng vào rổ

- Thực hiện động tác ném vào rổ : Mô phỏng tay không, thực hiện có bóng

3. Bài Thể Lực Chạy Tại Chỗ

Yêu cầu chạy tại chỗ tùy sức : từ 30 giây đến 60 giây hoặc 90 giây. Làm lại từ 2 đến 3 lần sau khi nghỉ ngơi 3 đến 5 phút.